TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày: 11-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Bá Lộc

2. Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Phận – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2018/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hồng T, tên gọi khác: không, sinh năm 1996 tại thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: chung cư N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964 và bà Hồng Thị P, sinh năm 1962 (chết); bản thân chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 19/5/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Tp. HCM xử phạt 03 năm 9 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", đến ngày 30/06/2017 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích; Tiền sự: không; hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có mặt.

2. Nguyễn Văn M, tên gọi khác: N, sinh năm 1990 tại thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: đường T, phường H, quận N, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; bản thân chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 23/9/2009 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Tp. HCM xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" đến ngày 30/4/2011 chấp hành xong hình phạt tù, chưa xóa án tích; Ngày 20/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh–Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", đến ngày

03/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích; Tiền sự: không; hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị hại:* Đặng Văn K, sinh năm 1955

ĐKTT: Ấp 8, xã N, huyện B, tỉnh Long An (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Trọng N, sinh năm 1994

ĐKTT: đường T, phường A, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp 2, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Trưởng Công an xã N, huyện B: Ông Hồ Quốc K1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện B, tỉnh Long An (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 08/7/2018, Nguyễn Hồng T chạy xe mô tô Wave RS biển số 59Z1-060.37 đến phòng trọ của Nguyễn Văn M tại ấp 2, xã B, huyện B, Tp. Hồ Chí Minh chơi và cả 2 bàn bạc cùng nhau đi tìm xe mô tô của người dân sơ hở để trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khi bàn bạc xong, T chạy xe mô tô Wave RS chở M đi theo Quốc lộ 1A đến tỉnh Tiền Giang, nhưng không tìm được xe để trộm, nên quay về. Trên đường về đến ấp 8, xã N, huyện B, M kêu T rẽ phải chạy vào đường bê tông khoảng 2km, thì T phát hiện nhà của ông Đặng Văn K - Công an viên xã N có xe mô tô Wave S, màu đỏ - đen biển số 62N1 – 428.37 đang dựng trên hàng tư và không người trong coi, T dừng xe lại đứng bên ngoài cảnh giới, M đi vào lấy xe, khi lấy xe M thấy trên xe còn cắm chìa khóa, nên dẫn xe xuống hàng tư, rồi lên xe nổ máy cùng Thạy đi đến quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Tiểm tra xe mô tô 62N1 – 428.37 vừa trộm được, thì phát hiện dưới yên có 01 khóa còng số 8 (có chìa khóa còng số 8 kèm theo), một túi đựng áo mưa, Tấy khóa cồng số 8 bỏ vào túi áo mưa và để vào cốp xe, rồi cả 2 chạy về phòng trọ của M. Tại đây, Tấy túi áo mưa đưa cho M, T chạy xe 62N1 – 428.37 đi công việc riêng. Khi T chạy xe đi, M kiểm tra túi áo mưa lại thì trong túi áo mưa có thêm 01 khẩu súng thuộc loại công cụ hỗ trợ, hiệu RG88 số 0820002, 05 viên đạn cao su, M đưa khẩu súng cho Lê Trọng N đến chơi tại phòng trọ của M và kêu Nghĩa đem về nhà giữ tìm người thân đến cơ quan công an báo để trả khẩu súng. Khoảng 30 phút sau T chạy về, M nói cho T biết trong túi áo mưa có một cây súng và đưa cho N cất giữ. Riêng xe mô tô 62N1 – 428.37 trộm của anh K, T và M nhờ một người đàn ông tên H (không rõ họ tên, địa chỉ) đem xe đi bán, H bán xe được 3.000.000đ, H lấy 300.000đ tiền công, đưa lại cho T và M 2.700.000đ, T và M chia nhau mỗi người 850.000đ tiêu xài cá nhân, còn lại 1.000.000đ, T và M mua ma túy sử dụng chung.

Đến ngày 11/7/2018, T và M tiếp tục trộm cắp tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ và đã được khởi tố vụ án, bị can, tạm giam để điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh, thì T và M khai ra vụ trộm xe tại Bến Lức nêu trên, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh chuyển cho cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức điều tra theo thẩm quyền. Đối với xe mô tô Wave RS 59Z1-060.37 mà T và M sử dụng làm phương tiện lấy xe của anh Kỷ là xe mà T và Mém trộm được tại thành phố Hồ Chí Minh, hiện Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ để xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đỏ - đen, biển số 62N – 428.37 trị giá 3.000.000đ.

Tại cáo trạng số 111/CT-VKSBL ngày 14-11-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nguyễn Hồng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nguyễn Hồng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm như cáo trạng của viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hồng T có một tiền án về tội "Cướp giật tài sản" chưa được xóa án tích là tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn do đó cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Hồng T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 05 năm tù của bản án số 151/2019/HSST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án với mức án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 05 năm tù của bản án số 478/2019/HSPT ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án với mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với H (không rõ họ tên và địa chỉ) có hành vi tiêu thụ tài sản do T và M phạm tội mà có, hiện CQĐT Công an huyện Bến Lức đang tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Lê Trọng N có hành vi cất giữ dùm Nguyễn Văn M 01 khẩu súng công cụ hỗ trợ hiệu RG88, số 0820002, 05 viên đạn, 01 còng số 8 và 01 chìa khóa còng số 8, nhưng mục đích của N để nhờ người thân giao nộp cho Cơ quan chức năng, nên CQĐT Công an huyện Bến Lức không xử lý là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại ông Đặng Văn K yêu cầu Nguyễn Hồng T và Nguyễn Văn M bồi thường 7.000.000đ trị giá xe mô tô đã bị mất. Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng: 01 khẩu súng công cụ hỗ trợ hiệu RG88, số 0820002; 05 viên đạn cao su; 01 khóa còng số 8 và 01 chìa khóa còng số 8 thuộc sở hữu của Công an xã N, do Lê Trọng N giao nộp, hiện đã trả lại cho cơ quan quản lý sử dụng Công an xã N là phù hợp.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, các bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho các bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định xuất phát từ việc không tiền tiêu xài nên khoảng 08 giờ ngày 08/7/2018, Nguyễn Hồng T và Nguyễn Văn M thỏa thuận cùng nhau đi trộm xe để bán lấy tiền tiêu xài, sau đó T và M chạy xe đi từ thành phố Hồ Chí Minh đến nhà của ông Đặng Văn K ở ấp 8, xã N, huyện B lén lút lấy trộm 01 xe mô tô Wave S, hiệu honda, biển số 62N1 – 428.37 của ông K trị giá 3.000.000đ mục đích để bán lấy tiền tiều xài và mua ma túy sử sụng, đến ngày 11/7/2018, T và M bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ và đã bị khởi tố điều tra trong một vụ án khác. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội"Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, do bị cáo M có 02 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Trong vụ án này các bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội nhưng không thể hiện rõ việc phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể từng người, không có sự cấu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo M là người thực hành, bị cáo T là người giúp sức. Xét tính chất, hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, hơn nữa các bị cáo đều có tiền án chưa được xóa án tích nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hồng T có một tiền án về tội về tội "Cướp giật tài sản" chưa được xóa án tích là tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn do đó cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Đối với H (không rõ họ tên và địa chỉ) có hành vi tiêu thụ tài sản do T và M phạm tội mà có, hiện CQĐT Công an huyện Bến Lức đang tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Lê Trọng N có hành vi cất giữ dùm Nguyễn Văn M 01 khẩu súng công cụ hỗ trợ hiệu RG88, số 0820002, 05 viên đạn, 01 còng số 8 và 01 chìa khóa còng số 8. Tại phiên tòa, bị cáo M xác định không có gửi N giữ, N cũng không biết những tài sản này do trộm cắp mà có, do bị cáo muốn giao nộp lại cho cơ quan chức năng nhưng không có điều kiện nên đưa cho N nhờ người thân giao nộp dùm, xét thấy ý chí của N không thể hiện việc cất giữ các công cụ hỗ trợ trên nên CQĐT Công an huyện Bến Lức không xử lý N là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại ông Đặng Văn K yêu cầu Nguyễn Hồng T và Nguyễn Văn M bồi thường 7.000.000đ trị giá xe mô tô đã bị mất. Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện bồi thường, do đó áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn M và ông Đặng Văn K. Các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn M có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông K số tiền 7.000.000đ.

[6] Về vật chứng: 01 khẩu súng công cụ hỗ trợ hiệu RG88, số 0820002; 05 viên đạn cao su; 01 khóa còng số 8 và 01 chìa khóa còng số 8 thuộc sở hữu của Công an xã N, do Lê Trọng N giao nộp, hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp không xét đến.

Riêng chiếc xe 59Z1-060.37 các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội đã được xử lý theo bản án số 151/2019/HSST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn M phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt với bản án số 151/2019/HSST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là 05 (năm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo Nguyễn Hồng T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 13/7/2018.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt với bản án số 478/2019/HSPT ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh là 05 (năm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 13/7/2018.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn M và ông Đặng Văn K. Các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn M có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Đặng Văn K số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hùng Cường